

Bảng 3.10 - CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG TRÊN QUỐC LỘ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GTVT ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 3925/QĐ-TCĐBVN ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Tổng cục ĐBVN)

TT	Quốc lộ/ đường	Tên cầu	Lý trình (Km)	Tỉnh/ thành phố	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
										(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	
(1)	(2)	(3)	(4)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	(12)
1	QL.27	Cầu số 3	Km20+383	Đắk Lắk	13,40	1	7,50	5,50	H18 - XB60	(*)			H18 - XB60	
2	QL27	Cầu số 4 (Giang Sơn)	Km23+912	Đắk Lắk	123,85	4	10,00	7,00	H30 - XB80		28 - 39 - 37			
3	QL.27	Cầu số 5	Km31+514	Đắk Lắk	20,00	1	8,00	6,00	H18 - XB60	(*)			H18 - XB60	
4	QL.27	Cầu số 6	Km32+930	Đắk Lắk	20,00	1	7,80	6,00	H18 - XB60	(*)			H18 - XB60	
5	QL.27	Cầu số 8	Km39+334	Đắk Lắk	31,25	2	8,90	6,90	H18 - XB60	(*)			H18 - XB60	
6	QL.27	Cầu số 10	Km40+556	Đắk Lắk	16,00	1	8,50	7,00	H30 - XB80		26 - 39 - 45			
7	QL.27	Cầu số 26	Km88+430	Đắk Lắk	106,10	6	7,50	7,00	H30 - XB80		27 - 39 - 45			
8	QL.29	Krông Năng	Km162+161	Đắk Lắk	47,20	3	6,60	6,00	H18 - XB60		18 - 28 - 37			
9	QL.29	Buôn Wiao	Km164+575	Đắk Lắk	24,00	1	8,00	7,50	H30 - XB80			25		
10	QL.29	Rô Sy	Km175+775	Đắk Lắk	44,68	1	6,30	6,00	H13 - XB60		14 - 14 - 15			

TT	Quốc lộ/ đường	Tên cầu	Lý trình (Km)	Tỉnh/ thành phố	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
										(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	
(1)	(2)	(3)	(4)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	(12)

Ghi chú:

1. Các cầu trên quốc lộ do Sở GTVT Đắk Lắk quản lý không ghi trong bảng trên là các cầu không cấm biển tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư của Bộ GTVT.

2. Trong tài liệu này không công bố các cầu đang xây dựng.

3. Các chỉ số tại Cột 11B gồm: Số hiệu thứ nhất giới hạn tổng tải trọng Xe thân liền; Số hiệu thứ hai giới hạn tổng tải trọng xe Đầu kéo kéo Rơ mooc; Số hiệu thứ ba giới hạn tổng tải trọng Xe thân liền kéo Rơ mooc (tổng tải trọng bao gồm cả xe và hàng).

Ví dụ: Cột 11B có ghi : 23-29-32, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 23 Tấn; Xe đầu kéo kéo rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 29 Tấn và Xe thân liền kéo rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 32 Tấn

4. Chỉ số ghi ở Cột 11C thể hiện tải trọng tối đa ghi trên Biển số 115 "Hạn chế trọng lượng xe" (Biển số theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2012/BGTVT.

Ví dụ: ở cột 11C có ghi số "17"- Nghĩa là cầu có cấm biển Hạn chế trọng lượng toàn bộ (cả xe và hàng) vượt quá 17 T.

5. Cầu nào mà ở Cột 11A có ghi ký hiệu (*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 11D